

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH LÂM ĐỒNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2018/HS-PT

Ngày: 20-6-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Văn Hiệp**

Các Thẩm phán: Bà **Hoàng Thị Minh Hương**

Ông **Nguyễn Kim Đồng**

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Đào, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 44/2018/TLPT-HS ngày 27 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo Lê Tuấn A, do kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2018/HS-ST ngày 23 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Lê Tuấn A** (tên gọi khác: C, T), sinh ngày 20-02-1993 tại tỉnh Lâm Đồng; Nơi ĐKNKTT và cư trú: Số T, phường t, thành phố DL, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn N; con bà Trần Thị Đ;

Tiền sự: Không; Tiền án: Bản án số 108/2012/HSPT ngày 19 tháng 11 năm 2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xử phạt Lê Tuấn A 06 (sáu) tháng tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”; bị bắt tạm giữ ngày 07/11/2016; hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

Luật sư Đỗ Trọng Hiền - Văn phòng Luật sư Tín Nghĩa - Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng bào chữa cho bị cáo. Có mặt.

Trong vụ án này còn có các bị cáo Nguyễn Hoài N, Trương Phan Việt H, Đặng Văn G, Trần Mạnh H, Lê Giang N; người bị hại Nguyễn Văn C; người liên quan Nguyễn Thị Thùy T không có kháng cáo, vụ án không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 24 giờ 00 ngày 06/11/2016, anh Nguyễn Văn C cùng với anh Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Sỹ T và Nguyễn Văn T đến quán hủ tiếu ở trước nhà số 2B, phường h, thành phố ĐL để ăn khuya. Trong khi ngồi chờ hủ tiếu thì có Lê Tuấn A chạy xe máy hiệu Honda AirBlade, biển số 49B1-024.05 chở Trần Mạnh H đến quán hủ tiếu cũng để ăn khuya. Khi vào quán, thấy nhóm của anh C nhìn về phía mình và H thì Tuấn A cho rằng nhóm của anh C “*nhìn đều*”, “*có vẻ khiêu khích*” nên đi ra ngoài gọi điện thoại cho Nguyễn Hoài N (tên thường gọi là T) và nói: “*T ơi, ngoài này có 04 - 05 thằng gây sự với H*”. Lúc này, thì N đang ở tại nhà số B đường T, phường t, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng cùng với Lê Giang N, Đặng Văn G và Trương Phan Việt H. Sau khi nghe điện thoại của Tuấn A xong thì N nói với N, G và H là “*Tuấn A đừng chuyện ngoài Nguyễn Công Trứ*” rồi N đi đến khu vực tủ đồ trong nhà, H và G cũng đi theo. H lấy trong tủ ra 01 dao rựa phát và 01 dao tự chế, N và G cũng lấy mỗi người 01 dao rựa phát, còn N thì đi dắt xe. Khi N dắt xe mô tô hiệu SYM Attila Elizabeth, biển số 79V1-169.55 ra phía trước nhà thì N, H và G cầm theo dao rồi cùng ngồi lên xe mô tô cho N chở ra chỗ Tuấn A.

Trong lúc Tuấn A đi ra ngoài gọi điện thoại thì anh T có đi sang chỗ H để giải thích với H. Sau khi gọi điện thoại cho N thì Tuấn A quay lại quán hủ tiếu, đưa chìa khóa xe mô tô của mình cho H và nói H chạy xe đi chỗ khác. H lấy xe đi nhưng sau đó quay xe lại rồi dừng và đứng cùng với Tuấn A ở khu vực bên ngoài lề đường trước quán hủ tiếu.

Khoảng 05 phút sau, khi thấy nhóm N đến thì Tuấn A chỉ về phía nhóm anh C và nói “*tụi này nè*”. Nói xong, Tuấn A chạy lại bàn cầm một bình đựng nước uống trên bàn rồi đánh vào vùng đầu của anh T và dùng chân đạp làm anh T ngã. Thấy vậy, H cầm dao rựa phát và dao tự chế chạy lại, dùng dao rựa phát chém vào lưng của anh T thì anh T bỏ chạy về hướng đường Nguyễn Công Trứ nên H cầm dao đuổi theo anh T. Lúc này, Tuấn A quay sang phía những người còn lại bên nhóm anh C, H chạy lại đánh anh C thì anh C dùng tay đánh lại H. Thấy vậy, Tuấn A chạy đến vừa ôm giữ, vừa dùng tay đánh vào người anh C còn H thì dùng tay đánh nhiều cái vào người của anh C. Cùng lúc đó thì G cầm dao rựa phát đến xoay sống lưng dao chém xuống người anh C, N cũng cầm dao rựa phát xông đến và chém anh C. Còn H, do không đuổi kịp anh T nên quay lại và nhìn thấy đồng bọn đang đánh, chém anh C nên H chạy lại và cầm dao tự chế đâm một nhát trúng vào vùng nách bên trái của anh C. Anh C vùng bỏ chạy ra ngoài đường hướng về vòng xoay đường Xô Viết Nghệ Tĩnh nhưng khi chạy ra đến cầu Nguyễn Công Trứ thì anh C gục ngã nằm dưới đường. Lúc này H chạy qua và dùng chân đá vào đầu của anh C. Sau đó cả nhóm lên xe của Tuấn A và N bỏ về, còn anh C được mọi người đưa đi cấp cứu.

Đến chiều ngày 07/11/2016, H, Tuấn A, G, H đã đến Công an thành phố Đà Lạt đầu thú. Ngày 09/11/2016, Nam cũng đến Công an thành phố Đà Lạt đầu

thứ. Riêng Nguyễn Hoài N thì bỏ trốn đến ngày 15/8/2017 thì bị bắt theo lệnh truy nã.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 (một) xe mô tô hiệu SYM Attila Elizabeth, màu đỏ, biển số 79V1 - 169.55; 01 (một) xe mô tô hiệu Honda AirBlade, màu trắng xám, biển số 49B1 - 424.05, kèm theo; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 5 màu trắng, số IMEI: 01340402887643, gắn sim số: 0942248193; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 5 màu trắng, bị trầy xước ở phần nút nguồn và phần lưng máy; 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân mang tên Đặng Văn G, 01 (một) Giấy phép lái xe hạng B2 số: 990142002971 mang tên Đặng Văn Giang; 03 (ba) dao có đặc điểm tương tự như nhau: loại dao rựa phát, cán dao bằng tre tròn đường kính: 03 cm, cán dài từ 78 cm - 80 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài từ 24 cm - 25 cm, phần mũi dao bằng. Có 02 (hai) dao được bọc vòng kim loại cuối cán dao; 03 (ba) dao có đặc điểm tương tự như nhau: loại dao tự chế (dao phay), cán bằng ống bằng kim loại tròn, đường kính: 2.6 cm, dài lần lượt là: 59.5 cm, 60 cm và 72 cm. Lưỡi dao bằng kim loại dài 22.3 cm, lưỡi dao bầu, chỗ rộng nhất của lưỡi dao là 7.2cm, mũi dao nhọn; 01 (một) đoạn ống kim loại tròn dài 72.5 cm, đường kính: 2.6cm.

Bị hại: là anh Nguyễn Văn C bị vết thương chằm dài 3,5cm, vết thương đỉnh đầu dài 5cm, vết thương thấu ngực trái, thủng nhu mô phổi xơ hoá 1/3 trên phổi trái. Theo bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 273/2017/TgT ngày 04/01/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Lâm Đồng kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 34% (ba tư phần trăm). Anh C và gia đình đã chi phí hết tổng số tiền 79.626.000 (Bảy mươi chín triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn) đồng gồm tiền chi phí cho việc cứu chữa và điều trị thương tích là 50.626.000 đồng, tiền thuê người chăm sóc trong 30 ngày x 300.000 đồng/ngày = 9.000.000 đồng, tiền thu nhập thực tế bị mất trong 80 ngày x 250.000 đồng/ngày = 20.000.000 đồng). Gia đình các bị cáo H, Tuấn A, G, H và N đã bồi thường cho anh C số tiền 70.000.000 (Bảy mươi triệu) đồng. Anh C yêu cầu được bồi thường số tiền còn lại và bồi thường khoản tiền tổn thất tinh thần.

Trong vụ án này, anh Nguyễn Sỹ T cũng bị Trương Phan Việt H chém vào vùng lưng phải và Lê Tuấn A dùng bình đựng nước đánh vào vùng đầu nhưng do vết thương nhẹ (chỉ rách da) không ảnh hưởng nhiều đến sức khỏe nên anh T không yêu cầu giám định thương tích và không yêu cầu bồi thường gì trong vụ án này.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2018/HS-ST ngày 23-3-2018 Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hoài N, Lê Tuấn A, Trương Phan Việt H, Đặng Văn G, Trần Mạnh H, Lê Giang N phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng khoản 3 Điều 104, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoài N 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 15/8/2017.

Áp dụng khoản 3 Điều 104, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 134, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Lê Tuấn A 06 (Sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/11/2016.

Áp dụng khoản 3 Điều 104, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 134, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Đặng Văn G 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/11/2016.

Áp dụng khoản 3 Điều 104, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 134, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Trần Mạnh H 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/11/2016.

Áp dụng khoản 3 Điều 104, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 53, Điều 69, Điều 74 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 134, khoản 2 Điều 51, Điều 91 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Trương Phan Việt H 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/11/2016.

Áp dụng khoản 3 Điều 104, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 33, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 134, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Lê Giang N 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/11/2016.

Bản án sơ thẩm còn giải quyết trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, tuyên án phí và tuyên quyền kháng cáo.

Ngày 04-4-2018 bị cáo Lê Tuấn A kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Tuấn A, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đối chiếu lời khai nhận tội của các bị cáo Lê Tuấn A, Nguyễn Hoài N, Trương Phan Việt H, Đặng Văn G, Trần Mạnh H và Lê Giang N tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác, vật chứng đã thu giữ, biên bản xác định thương tích thực tế, kết luận giám định thương tích và các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở xác định: Khoảng 24 giờ ngày 06-11-2016, sau khi nghe điện thoại của bị cáo Lê Tuấn A, bị cáo Lê Giang N đã dùng xe mô tô chở các bị

cáo Nguyễn Hoài Ng, Đặng Văn G, Trương Phan Việt H mang theo hung khí là 03 (ba) dao rựa phát và 01 (một) dao tự chế loại dao phay đến quán hủ tiếu trước nhà số 2B, phường h, thành phố DL, tỉnh Lâm Đồng, nơi bị cáo Tuấn A và bị cáo Trần Mạnh H chờ sẵn. Khi đến nơi, cả nhóm Tuấn A, H, G, H, N đã cùng thực hiện hành vi sử dụng hung khí là dao rựa phát và dao tự chế loại dao phay đâm, chém và đánh anh C gây nên vết thương chằm dài 3,5cm, vết thương đỉnh đầu dài 5cm, vết thương thâu ngực trái, thủng nhu mô phổi xơ hoá 1/3 trên phổi trái với tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 34% (ba tư phần trăm). Sau khi gây thương tích cho anh C, các bị cáo lên xe của bị cáo Tuấn A và bị cáo N để tẩu thoát. Do đó có đủ căn cứ xác định hành vi của các bị cáo thực hiện đã phạm tội “Cố ý gây thương tích”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a, i khoản 1, khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Lê Tuấn A cùng các bị cáo Nguyễn Hoài N, Trương Phan Việt H, Đặng Văn G, Trần Mạnh H, Lê Giang N phạm tội “Cố ý gây thương tích” như bản án sơ thẩm đã tuyên.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện thái độ coi thường kỷ cương pháp luật Nhà nước, đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây mất trật tự trị an tại địa phương.

Bị cáo Lê Tuấn A đã có tiền án nhưng chưa thi hành xong về phần bồi thường thiệt hại và án phí nên chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội nên thuộc trường hợp tái phạm, do đó áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo. Tại phiên tòa bị cáo giữ nguyên kháng cáo nhưng không xuất trình được tình tiết nào mới nên kháng cáo là không có cơ sở để xem xét.

Do vậy, không chấp nhận kháng cáo như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Lê Tuấn A phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Tuấn A giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Tuyên bố bị cáo Lê Tuấn A phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng khoản 3 Điều 104, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số

41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 134, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Lê Tuấn A 06 (Sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/11/2016.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Lê Tuấn A phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND thành phố Đà Lạt ;
- VKSND thành phố Đà Lạt;
- Cơ quan điều tra Công an TP Đà Lạt;
- Nhà tạm giữ Công an TP Đà Lạt;
- Phòng KTNV&THA;
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục THADS Đà Lạt ;
- Vụ GDKT I;
- Bị cáo (để thi hành);
- Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ; Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Huỳnh Văn Hiệp